

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập – Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 90/2022/DS-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH LONG AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đẹp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Ngọc Bay.
2. Bà Đặng Thị Mỹ Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 128/2022/TLST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà 1/2 Ấp 3, xã Đ, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện G, tỉnh Long An.

3. Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng: Ông Trần Văn V, sinh năm 1960; Địa chỉ: Tổ 4, ấp 2/6 xã H, huyện G, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 22 tháng 12 năm 2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Vào ngày 30/6/2021, ông có cho ông Lê Văn N vay số tiền 220.000.000 đồng, không có lãi suất, thời hạn trả nợ là ngày 07/7/2021. Đến hạn

ông N không trả số tiền trên. Cách đây khoảng 05 tháng thì ông nghe nói ông N nhận được tiền đền bù đất nên ông đến nhà ông N để đòi nợ thì ông N có trả cho ông số tiền 100.000.000đồng, khi đó ông N có thuê 04 người đến gây áp lực buộc ông phải đưa lại bản chính giấy nợ cho ông N, lúc đó do lo sợ nên ông đã không báo công an. Việc ông N vay nợ có ông Trần Văn V làm chứng và đã có lời khai, bà Trần H là vợ của ông V có chứng kiến ông N trả cho ông số tiền 100.000.000đồng nhưng do bà H bị bệnh nên không thể cho lời khai. Ông N còn nợ ông số tiền 120.000.000đồng nên yêu cầu ông N phải trả cho ông số tiền trên, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Lê Văn N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Trước đây ông có vay của ông Đỗ Ngọc L, đúng là ông P mà Tòa án mời giải quyết nhưng khi cho ông vay tiền thì ông P lấy tên là Đỗ Ngọc L. Vào khoảng năm 2021 ông có vay ông Đỗ Ngọc L số tiền 30.000.000đồng, với lãi suất là 10%/tháng, sau đó lên 20%/tháng, cuối cùng là 30%/tháng, ông đã trả rất nhiều tiền lãi cho ông L, mỗi lần giao nhận lãi không có làm giấy tờ nên không nhớ đã trả bao nhiêu tiền lãi. Sau đó đến ngày 30/6/2021 ông L buộc ông phải ký giấy mượn tiền 220.000.000đồng, do hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả tiền lãi nên ông buộc phải ký giấy vay số tiền 220.000.000đồng, thực tế ông không có vay số tiền 220.000.000đồng. Khi ông nhận được tiền đền bù đất thì ông gọi điện cho ông L đến nhà ông để ông trả nợ. Khi ông L đến nhà ông thì ông L kêu theo nhiều người đến gây áp lực buộc ông phải trả nợ nên ông đã trả cho ông L số tiền 120.000.000đồng, ông L có viết giấy nhận số tiền 120.000.000đồng cho ông nhưng ông L không ký tên. Ông xác định không còn khoản vay nợ nào với ông L, ông không vay tiền của ông P nên ông không đồng ý trả số tiền 120.000.000đồng theo yêu cầu của ông P. Ông P cho vay nhưng lấy tên là Đỗ Ngọc L là có hành vi lừa đảo ông nên ông đề nghị chuyển hồ sơ sang công an để điều tra làm rõ.

Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện G tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông Lê Văn N hoàn trả số tiền còn nợ lại theo “Giấy mượn tiền ngày 30/6/2021” là 120.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn ông Lê Văn N trình bày cho rằng năm 2021 do hoàn cảnh khó khăn nên ông vay ông P, khi cho vay là lấy tên là Đỗ Ngọc L số tiền 30.000.000đồng với lãi suất lúc vay là 10%/tháng, sau đó tăng lên 20%/tháng và 30%/tháng, ông đã trả nhiều tiền lãi cho ông P nhưng không làm biên nhận. Đến khi dịch bệnh Covid-19 ông không có khả năng trả tiền lãi nên ông P yêu cầu ông trả số tiền nợ gốc cộng tiền lãi là 100.000.000đồng và ông P yêu cầu trả thêm số tiền trong thời gian dịch bệnh mà ông không trả được tiền lãi là 120.000.000đồng, nên vào ngày 30/6/2021, ông P yêu cầu ông Trần Văn V viết “Giấy mượn tiền ngày 30/6/2021” buộc ông nhận nợ 220.000.000đồng, thực tế ông không có vay số tiền 220.000.000đồng. Sau khi ông xem bản ảnh “Giấy mượn tiền ngày 30/6/2021” do ông P nộp thì ông xác định chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền trên không phải của ông. Ông

P trình bày ngoài tên P ông có tên gọi khác là L, ông xác định ngày 30/6/2021 do ông N cần tiền để làm giấy tờ đất nên ông N vay ông số tiền 220.000.000đồng và ông có nhờ ông V viết giấy mượn tiền, ông N đã ký tên vào giấy mượn tiền, ông đã giao số tiền 220.000.000đồng cho ông N sau khi ký giấy, ông giữ bản chính giấy mượn tiền. Khi nghe tin ông N nhận tiền đền bù đất ông đến nhà ông N đòi nợ thì ông N có trả cho ông số tiền 100.000.000đồng, khi đó ông N kêu nhiều người gây áp lực, do sợ nên ông buộc phải đưa bản chính giấy nợ cho ông N.

Người làm chứng ông Trần Văn V trình bày ông là người viết “Giấy mượn tiền ngày 30/6/2021” và chỉ viết một bản. Khi đó ông P và ông N thỏa thuận ông P cho ông N vay số tiền 220.000.000đồng, thời gian vay là một tháng, sau một tháng ông N phải trả lại tiền cho ông P, các bên thỏa thuận lãi như thế nào thì ông không biết. Sau khi ông đọc nội dung giấy mượn tiền, các bên ký tên xong ông về, ông không chứng kiến việc giao nhận tiền giữa ông P và ông N, ông không rõ ai là người giữ bản chính giấy mượn tiền trên. Quá trình trả nợ giữa ông N và ông P thì ông không biết rõ.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như thụ lý đúng thẩm quyền, xác định tư cách người tham gia tố tụng chính xác, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa ông P và ông N có giao kết hợp đồng vay tài sản là số tiền 220.000.000đồng theo bản ảnh chụp “Giấy mượn tiền ngày 30/6/2021” do ông P giao nộp. Ông P cho rằng sau khi ký giấy ông đã giao số tiền 220.000đồng cho ông N, ông N xác định thực tế không có vay số tiền 220.000.000đồng mà do cộng dồn tiền lãi số nợ 30.000.000đồng mà trước đó ông đã vay nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Ông P cho rằng ông N đã trả được số nợ 100.000.000đồng và do ông N thuê nhiều người gây áp lực nên ông đã trả lại bản chính giấy nợ, lời trình bày của ông P cũng không có chứng cứ chứng minh. Căn cứ vào lời trình bày thừa nhận của ông P thể hiện giữa các bên đã thống nhất số nợ ông N phải trả là 100.000.000đồng, ông P khởi kiện không có bản chính giấy nợ, ông N không thừa nhận chữ ký trong bản ảnh chụp giấy nợ do ông P cung cấp nên yêu cầu khởi kiện của ông P là không có căn cứ nên đề nghị không chấp nhận, ông P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P yêu cầu bị đơn ông Lê Văn N trả số tiền nợ gốc

là 120.000.000đồng phát sinh từ hợp đồng vay tiền nên xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng dân sự được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại xã H, huyện G, tỉnh Long An. Căn cứ các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

[2] Ông N cho rằng giấy mượn tiền ngày 30/6/2021 là giấy chốt tiền lãi cộng dồn của khoản vay 30.000.000đồng vào năm 2021, thực tế ông không vay số tiền 220.000.000đồng, ông đã trả cho ông P số tiền 120.000.000đồng và xác định giữa ông và ông P không còn nợ, ông N không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền 120.000.000đồng. Trong khi đó ông P chỉ thừa nhận ông N đã trả số tiền nợ 100.000.000đồng theo giấy vay tiền ngày 30/6/2021. Ông P không còn giữ bản chính giấy mượn tiền nhưng ông có chụp ảnh giấy mượn tiền trên, ông N xác định không có ký tên vào giấy mượn tiền theo bản ảnh mà ông P cung cấp.

Xét thấy: Căn cứ lời trình bày xác nhận của ông P có cơ sở xác định giữa ông P và ông N đã thống nhất chốt lại số nợ mà ông N có trách nhiệm trả cho ông P đối với khoản nợ vay vào ngày 30/6/2021 là 100.000.000đồng nên khi ông N trả số tiền 100.000.000đồng thì ông P đã không còn giữ bản chính giấy mượn tiền là phù hợp. Vì vậy ông P yêu cầu ông N tiếp tục trả số tiền còn nợ lại là 120.000.000đồng theo giấy mượn tiền ngày 30/6/2021 là không có căn cứ nên không chấp nhận theo đề nghị của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV QH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông P phải chịu án phí do trên số tiền yêu cầu không được chấp nhận là: 120.000.000đồng x 5% = 6.000.000đồng.

Ông N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị Quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV QH quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 463, 465, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Văn N hoàn trả số tiền vay 120.000.000đồng theo “Giấy mượn tiền ngày 30/6/2021”.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn P phải chịu 6.000.000đồng, khấu trừ số tiền 3.000.000đồng tạm ứng án phí do ông P nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu số 0013432 ngày 05/5/2022. Ông P còn phải nộp tiếp 3.000.000đồng.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn P, bị đơn ông Lê Văn N có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Đẹp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

